| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÒN ĐẤT**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2024/HSST
Ngày: 11 - 3 - 2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Cẩm Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.
2. Ông Nguyễn Văn Đoạt.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Quốc Từng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 háng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HÒn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Danh M (tên gọi khác Lù), sinh năm 1987 tại tỉnh KG; nơi cư trú: khu phố ST, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG; chỗ ở hiện nay: ấp LH, xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG; nghề nghiệp: làm thuê trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 01/12; dân tộc: Khơmer; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh S (chết) và bà Thị H (chết); bị cáo có vợ tên là Thị N (đã ly hôn) và 01 đứa con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/3/2023 đến ngày 22/6/2023 và từ ngày 21/9/2023 đến ngày 21/12/2023, bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 02/3/2023 đến ngày 02/7/2023 và từ ngày 21/9/2023 đến ngày 21/12/2023; bị có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Thị Ánh Thu T (chết):

1. Ông Nguyễn Hải S sinh năm 1962; địa chỉ: tổ 6, ấp HS, xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG là chồng của người bị hại. (có mặt)

2. Các anh, chị Nguyễn Hải T sinh năm 1988, Nguyễn Hải Q sinh năm 1990 và Nguyễn Thụy Yến N sinh năm 1994; cùng địa chỉ; tổ 6, ấp HS, xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG là con của người bị hại. (vắng mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Võ Văn D sinh năm 1980; địa chỉ: ấp CC, Xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG. (vắng mặt tại phiên tòa)

2. Bà Đào Thị T sinh năm 1971; địa chỉ: Khu vực 4, thị trấn GR, huyện GR, tỉnh KG. (vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau*:*

*Về hành vi phạm tội của bị cáo:*

Khoảng 16 giờ ngày 24/7/2022, Danh M đến nhà ông Võ Tuấn E tại khu phố Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang chơi. Đến khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, M và ông Tuấn E đã uống hết khoảng 01 lít rượu trắng. Sau đó, M điều khiển xe mô tô 68F2-9702 đi về nhà M trên tuyến đường tỉnh 969B và lưu thông theo hướng Quốc lộ 80 đi Xã LH. Khoảng 17 giờ 50 phút 24/7/2022, M đã trong tình trạng sử dụng rượu quá nồng độ quy định (97 mg/100ml máu) điều khiển xe chạy ở phần đường bên phải theo hướng xe M lưu thông. Cùng lúc này, có xe mô tô 68H6-5443 do bà Nguyễn Thị Ánh Thu T chạy cùng chiều phía trước bên phần đường phải phía trước xe M. M vượt xe phía bên phải xe mô tô 68H6-5443 do bà T điều khiển, nên xe mô tô do M điều khiển đã dụng vào gác chân bên trái xe mô tô do bà T điều khiển làm xe mô tô 68H6- 5443 ngã về bên trái, bà T bị ngã văng khỏi xe về phía trước nằm trên mặt đường. Xe mô tô 68F2-9702 bị ngã về bên trái trượt trên mặt đường khoảng 27 mét, M tế theo xe mô tô.

Hậu quả bà T bị thương được đưa đi cấp cứu, ngày 27/7/2022 bà T được xuất viện về nhà và tử vong tại nhà, M bị chấn thương phần mềm.

*Về vấn đề khác:*

Tại bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số: 647/GDHS ngày 14/11/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Qua nghiên cứu hồ sơ bệnh án 34552/2022 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang đối với bà Nguyễn Thị Ánh Thu T, có các thương tích sau: Tình trạng thương tích lúc nhập viện:

Bệnh lơ mơ; Glasgow 13 điểm; không co giật; không nôn ói; Mạch 105 lần/phút; Huyết áp 160/90mmHg; nhịp thở 18 lần/phút; Nhiệt độ 37°C; SpO2 94%. Sưng nề vùng chẩm trái có vết thương kích thước 5 x 5cm. Tìm rõ; Phổi không ran; Bụng mềm, ấn không đau.

Kết quả CT-Scanner sọ não: Theo dõi: Dập, tụ máu dưới màng cứng, kèm xuất huyết rải rác bán cầu phải + thuỷ thái dương trái, xuất huyết khoang dưới nhện + liềm não; Đường giữa lệch nhẹ sang trái; nứt sọ thái dương - chẩm trái; Tụ dịch xoang bướm + xoang sàng hai bên + tụ dịch xoang chủm trái; Phù nề phần mềm trán – thái dương – châm – đỉnh trái.

CT-Scanner ngực: Bóng tim to; Quai động mạch chủ rộng; Xơ hoá hai bên phổi. Chuẩn đoán: Nút sọ định chẩm trái, máu tụ dưới màng cứng bán cầu phải, dập xuất huyết não, xuất huyết dưới nhện thái dương phải.

Đã được điều trị hồi sức nội khoa tích cực, nhưng tình trạng bệnh không cải thiện, diễn tiến ngày càng nặng. Gia đình thấy tình trạng bệnh nhân nặng nên ký hồ sơ xin đưa bệnh nhân về nhà.

Tình trạng lúc xuất viện Nguyễn Thị Ánh Thu T: Bệnh mê, thở máy, Mạch: 110 lần/phút; Huyết áp: 130/70mmHg; Glassgo 5 điểm; mất hết các phân xạ, Tim đều; Phổi thông khí đều 2 bên; Bụng mềm. Nguyễn Thị Ánh Thu T chưa tử vong (sống dạng thực vật).

2. Kết luận:

Nguyên nhân tử vong: không xác định

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm ra viện là: 99% (Chín mươi chín phần trăm).

Việc thu giữ, tạm giữ vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 68H6-5443; 01 (một) giấy đăng xe số 006937 của xe 68H6-5443 và 01 (một) xe mô tô biển số 68F2-9702.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HĐ đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" đối với bị can M để điều tra.

*Cáo trạng của Viện kiểm sát:*

Bản cáo trạng số 84/CT-VKS-HĐ ngày 29/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ truy tố bị can về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường

bộ" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo M đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng:

Điểm a, b khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo Danh M từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo M đã bồi thường cho gia đình Nguyễn Thị Ánh Thu T số tiền 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho gia đình người bị hại số tiền tổn thất tinh thần là 20.000.000 đồng. Đại diện gia đình xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HĐ đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu bao gồm: trả cho gia đình nạn nhân Nguyễn Thị Ánh Thu T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 68H6- 5443; 01 (một) ký giấy đăng ký xe số 006937 của xe 68H6-5443 cho gia và trả cho bị cáo Danh M 01 (một) xe mô tô biển số 68F2-9702.

*Tại phiên tòa:* Bị cáo M khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ thời gian chấp hành hình phạt để bị cáo có điều kiện đi làm để bồi thường thiệt hại cho đại diện gia đình người bị hại và nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy Cơ quan điều tra Công an huyện HĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*Người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS).*

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo:

Vào lúc khoảng 18 giờ 15 phút ngày 24/7/2022 tại ấp HS, xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG, Danh M điều khiển xe mô tô 68F2. 9702 lưu thông theo hướng Quốc lộ 80 đi Xã LH đã va quẹt với xe mô tô 68H6-5443 do Nguyễn Thị Ảnh Thu Toà điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước.

Nguyên nhân dẫn đến vụ Tai nạn giao thông trên là do Danh M điều khiển xe mô tô 68F2-9702 trong tình trạng đã sử dụng rượu quá nồng độ quy định, không có giấy phép lái xe theo quy định, vượt xe không đúng quy định vi phạm khoản 8, khoản 9, Điều 8 và khoản 4, điều 14 Luật giao thông đường bộ. Hậu quả xảy ra làm bà T bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 99%, bà T đã tử vong khi xuất viện về nhà.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Tại bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số: 647/GĐHS ngày 14/11/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận nguyên nhân chết của Nguyễn Thị Ánh Thu T không xác định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm ra viện là 99%.

Căn cứ quy định khoản 1 Điều 12 của BLHS thì bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Đối chiếu hành vi của bị cáo với các quy định của pháp luật đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 của BLHS. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng năng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo M đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại cũng có đơn không yêu cầu khởi tố hình

sự, xin giảm nhẹ cho bị cáo nên có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS nên HĐXX chấp nhận lời đề nghị của đại diện VKS quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của BLHS.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị cáo M đã bồi thường cho gia đình Nguyễn Thị Ánh Thu T số tiền 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho gia đình người bị hại số tiền tổn thất tinh thần là 20.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 BLHS 2015 thì: "Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do không có công việc ổn định nên HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HĐ đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu bao gồm: trả cho gia đình nạn nhân Nguyễn Thị Ánh Thu T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 68H6-5443; 01 (một) ký giấy đăng ký xe số 006937 của xe 68H6-5443 cho gia và trả cho bị cáo Danh M 01 (một) xe mô tô biển số 68F2-9702.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 38, Điều 48, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điểm a và b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

**1.** Tuyên bố bị cáo Danh M phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Danh M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành hình phạt.

**2.** Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HĐ đã cho người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Ánh Thu T là ông Nguyễn Hải S 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 68H6-5443, 01 (một) ký giấy đăng ký xe số 006937 của xe 68H6-5443 và trả cho bị cáo Danh M 01 (một) xe mô tô biển số 68F2-9702.

**3.** Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Danh M về việc tự nguyện bồi thường tổn thất tinh thần cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Ánh Thu T là ông Nguyễn Hải S và các anh, chị Nguyễn Hải T, Nguyễn Hải Q, Nguyễn Thụy Yến N số tiền là 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**4.** Về án phí:

Bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Uỷ ban nhân dân xã;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

**Lê Cẩm Tú**